TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **699**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 7 - 2023.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Liên Quân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Kim Liên.**

2. Bà **Nguyễn Thị Tịnh Tâm.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hà Kim Thông** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 263/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị Kim M**, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp Thới T, xã Tân H, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Ông **Lê Nh**, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp Thới T, xã T, huyện H2, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2023 nguyên đơn bà Trần Thị Kim M trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, bà Trần Thị Kim M và ông Lê Nh đã tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi năm 2013.

Vợ chồng có thời gian đầu chung sống hạnh phúc tại huyện Hóc Môn, nhưng sau đó đến năm 2017 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, nên đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Bà Trần Thị Kim M xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn. Do đó, bà Trần Thị Kim M yêu cầu được ly hôn với ông Lê Nh.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Trần Quốc D, sinh ngày 13/7/2011. Bà Trần Thị Kim M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Lê Nh cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Yêu cầu xác định nhà, đất số 69/8H, ấp Thới T, xã Tân H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 1535, tờ bản đồ số 26 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 988649, số vào sổ cấp GCN: CS01499 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/3/2017 là tài sản chung của ông Lê Nh và bà Trần Thị Kim M. Bà Mỹ yêu cầu được chia 1/2 nhà, đất số 69/8H ấp Thới Tây 2, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về nợ chung: Yêu cầu xác định nợ chung của ông Lê Nh và bà Trần Thị Kim M đang vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Trường Sơn) số tiền 86.264.004 (Tám mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn, lẻ bốn) đồng, bà Trần Thị Kim M yêu cầu chia 1/2 số nợ chung.

Ngày 01/6/2023, bà Trần Thị Kim M có đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc phân chia tài sản chung, nợ chung; Tài sản chung, nợ chung nguyên đơn, bị đơn tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ trở về chung sống với nhau nhưng chỉ có nguyên đơn bà Trần Thị Kim M có mặt theo triệu tập của Tòa án, ông Lê Nh vắng mặt không lý do và bà Trần Thị Kim M có đơn yêu cầu không tiếp tục tổ chức hòa giải nên vụ kiện không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa bà Trần Thị Kim M và ông Lê Nh là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn cư trú tại xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Lê Nh vắng mặt không lý do và bà Trần Thị Kim M có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim M và ông Lê Nh tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 112/2013 Quyển số 01/2013 ngày 27/5/2013 do Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã Phổ Thạnh,

huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi cấp, đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Kim M và ông Lê Nh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Trong quá trình tố tụng, bị đơn không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp theo quy định của pháp luật.

[5] Theo đơn khởi kiện bà Trần Thị Kim M xác định đời sống hôn nhân giữa bà Mỹ và ông Nhanh phát sinh nhiều mâu thuẫn do do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau và vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân.

[6] Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

[7] Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, vợ chồng bà Trần Thị Kim M và ông Lê Nh đã trải qua thời gian dài không chung sống với nhau, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, quan tâm đến nhau và mỗi người đều có cuộc sống riêng của mình dẫn đến đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về con chung, cấp dưỡng: Trong thời gian chung sống, bà Trần Thị Kim M và ông Lê Nh có 01 con chung Lê Trần Quốc D, sinh ngày 13/7/2011. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Kim M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Lê Nh cấp dưỡng nuôi con; đồng thời cháu Lê Trần Quốc D có nguyện vọng sống chung với bà Trần Thị Kim M nếu cha, mẹ ly hôn. Do đó, cần giao con chung cho bà Trần Thị Kim M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; việc cấp dưỡng nuôi con chung chưa đặt ra xem xét.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Tại đơn khởi kiện bà Trần Thị Kim M yêu cầu phân chia tài sản chung, nợ chung, nhưng đến ngày 01/6/2023 bà Trần Thị Kim M có đơn xin rút nội dung khởi kiện về phân chia tài sản chung, nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phân chia tài sản chung, nợ chung. Tài sản chung, nợ chung các đương sự tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn trả án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về yêu cầu phân chia tài sản chung, nợ chung cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 và Điều 267, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim M đối với ông Lê Nh.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim M được ly hôn với ông Lê Nh.

3. Về con chung: Bà Trần Thị Kim M và ông Lê Nh có 01 con chung tên Lê Trần Quốc D, sinh ngày 13/7/2011. Giao con chung cho bà Trần Thị Kim M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con; không bên nào được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về phân chia tài sản chung, nợ chung của nguyên đơn bà Trần Thị Kim M tại đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2023. Nguyên đơn bà Trần Thị Kim M có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự

5. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Kim M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 14/3/2023, bà Trần Thị Kim M đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2022/0015944 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn được đối trừ.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Kim M tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đồng (Mười hai triệu) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2022/0015926 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

7. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Nguyễn Liên Quân